| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - hạnh phúc** |

Bản án số: 46/2017/DSPT
Ngày: 30/10/2017
V/v yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Đức Châm;

*Các Thẩm phán*: Bà Nguyễn Thị Trung Vân;

Bà Lương Thị Hồng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Kim Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:*** Bà Lăng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2017/DS-PT ngày 16 tháng 8 năm 2017 về yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản trên đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2017/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Trăng Thị A, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Thanh H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1975 và ông Liễu Văn C, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :*

- Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

*Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã T*: Ông Hoàng Thế A – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Bà Trăng Thị S. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.
- Bà Hoàng Thị H. Địa chỉ: Thôn M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.
- Bà Hoàng Thị L. Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.
- Ông Trăng Văn V; có mặt.
- Bà Trăng Thị N; có mặt;
- Bà Chăng Thị P; có mặt;
- Bà Trăng Bích T; có mặt;

- Chị Nguyễn Thị X; vắng mặt;
- Chị Nguyễn Thị Z; vắng mặt;
- Anh Nguyễn Đình S; vắng mặt

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn

4. Người kháng cáo: Ông Liễu Văn C là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DSST ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình nhà bà Trăng Thị A có một khu mộ tổ (gồm 08 ngôi mộ, trong đó có 03 ngôi mộ đôi), tại khu P, thuộc Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, diện tích đất khoảng 250m$^2$ do ông bà, bố mẹ bà Trăng Thị A đã khai hoang, hàng năm gia đình đều tổ chức dọn dẹp, phát quang khu mộ. Các ngôi mộ đã tồn tại từ rất lâu, ngôi mộ chôn gần đây nhất là năm 1968. Ngày 12/4/2016 gia đình nhà bà Trăng Thị A thuê người xây dựng tường bao quanh khu mộ, đến ngày 26/4/2016 thì hoàn thiện. Vào khoảng 18 giờ 20 phút ngày 27/4/2016 bà Trăng Thị A lên thăm khu mộ thì phát hiện thấy có 04 người đàn ông là ông Liễu Văn C, ông Nguyễn Đình H, ông Nguyễn Đình B, ông Nguyễn Đình T dùng búa tạ và xà beng đập phá tường xây xung quanh khu mộ. Theo ông Liễu Văn C trình bày khu mộ tổ nhà bà Trăng Thị A nằm trên diện tích đất của gia đình nhà ông đã được UBND huyện V, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 589801 cấp ngày 14/01/2010. Bà Trăng Thị A cho rằng khu mộ tổ của gia đình bà đã tồn tại được hơn một trăm năm, mộ chôn gần đây nhất là năm 1968, việc UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị V và ông Liễu Văn C bao gồm cả khu mộ tổ của gia đình bà là trái quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà Trăng Thị A. Đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu gia đình ông Liễu Văn C phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại đối với phần tường bao quanh khu mộ bị đập phá.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Trăng Thị A đã rút một phần yêu cầu khởi kiện giải quyết về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*; giữ nguyên yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, cụ thể yêu cầu bà Nguyễn Thị V và ông Liễu Văn C bồi thường giá trị thiệt hại số tiền 12.000.000,đ (mười hai triệu đồng) để sửa chữa phần tường rào bao quanh khu mộ bị đập phá.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DSST ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

*Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 48, các điều 143, 144, 146, 147, 156, 157, 163, 164, 165, 166, 226, 227 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 162 Luật Đất đai 2013; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết Luật Đất đai; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa*

*14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*1. Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Trăng Thị A tự nguyện rút yêu cầu về giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BE 589801 cấp ngày 14/01/2010 của UBND huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nếu sau này bà Trăng Thị A khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Bà Trăng Thị A không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.*

*2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trăng Thị A về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản tại địa điểm khu P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.*

*Buộc ông Liễu Văn C phải bồi thường cho gia đình bà Trăng Thị A và anh Trăng Văn V số tiền là 8.526.000,đ (Tám triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng).*

*3. Về án phí dân sự sơ thẩm:*

*Trả lại bà Trăng Thị A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2011/02336 ngày 11/10/2016. Buộc ông Liễu Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 426.300,đ (Bốn trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm đồng).*

*4. Về chi phí tố tụng khác:*

** Bà Trăng Thị A phải chịu chi phí thẩm định lần một với số tiền là 2.850.000,đ (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận bà Trăng Thị A đã nộp đủ số tiền này.*

** Bà Nguyễn Thị V và ông Liễu Văn C phải chịu chi phí số tiền thẩm định lần hai là 2.789.000,đ (Hai triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn đồng). Xác nhận bà Nguyễn Thị V vợ ông Liễu Văn C đã nộp 2.789.000,đ (Hai triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn đồng) và bà Nguyễn Thị V chịu số tiền thẩm định lần ba là 5.820.000,đ (Năm triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng). Xác nhận bà Nguyễn Thị V đã nộp 3.000.000,đ (Ba triệu đồng), bà Nguyễn Thị V còn phải nộp thêm 2.820.000,đ (Hai triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng).*

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định, ngày 02/8/2017, ông Liễu Văn C kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì Thẩm phán vi phạm tố tụng, bà A xây dựng trái phép mà Tòa án buộc ông C phải bồi thường là không đúng, ông C là đối tượng được miễn án phí nhưng Hội đồng xét xử buộc ông C phải chịu án phí sơ thẩm là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn ông Liễu Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn: Bà Trăng Thị A và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

- Về kháng cáo: Ông Liễu Văn C kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, do đó kháng cáo là hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải

quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự có mặt chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo của ông Liễu Văn C: Tại phiên tòa ông Liễu Văn C thừa nhận hành vi đập phá tường bao khu mộ nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Liễu Văn C phải bồi thường là có căn cứ. Về án phí do tại cấp sơ thẩm ông Liễu Văn C thuộc diện được miễn án phí nhưng chưa làm đơn xin miễn nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Liễu Văn C phải chịu án phí là đúng. Tại cấp phúc thẩm ông Liễu Văn C mới có đơn xin miễn án phí đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Liễu Văn C giữ nguyên phần bồi thường thiệt hại theo bản án dân sự sơ thẩm, sửa phần án phí dân sự sơ thẩm miễn án phí cho ông Liễu Văn C.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Liễu Văn C cho rằng Thẩm phán trong quá trình giải quyết xét xử vụ án đã không vô tư khách quan, vi phạm nguyên tắc xét xử tập thể: Xét thấy nội dung kháng cáo không thuộc phạm vi xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm.

[2]. Xét yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa ông Liễu Văn C thừa nhận do bức xúc về việc gia đình bà Trăng Thị A xây dựng tường bao quanh khu mộ đã được gia đình ông nhắc nhở nhưng vẫn cố tình xây dựng nên ông đã đập phá tường bao xây quanh khu mộ, việc đập phá chỉ do một mình ông thực hiện, không liên quan đến ông Nguyễn Đình H, ông Nguyễn Đình B, ông Nguyễn Đình T. Lời khai của ông Liễu Văn C cũng phù hợp với bản tự khai của ông Nguyễn Đình T (bút lục 270) và bản tự khai của ông Nguyễn Đình H (bút lục 271). Lý do ông Liễu Văn C đưa ra cho rằng gia đình bà Trăng Thị A mượn đất để đặt mộ yêu cầu gia đình bà Trăng Thị A phải di dời khu mộ đi nơi khác để trả lại đất cho gia đình ông quản lý, sử dụng. Mặt khác toàn bộ diện tích đất khu lăng mộ gia ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy ông Liễu Văn C không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường của bà Trăng Thị A.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Lý do ông Liễu Văn C cho rằng gia đình bà Trăng Thị A mượn đất đặt mộ chỉ là nói bằng miệng, không được lập thành văn bản, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc mượn đất là có căn cứ. Phía gia đình bà Trăng Thị A đã có một thời gian dài quản lý, sử dụng ổn định liên tục phần diện tích đất khu mộ từ năm 1968 cho đến nay. Xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu việc đòi lại đất của ông Liễu Văn C.

2. Lý do ông Liễu Văn C cho rằng gia đình ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị V

lập ngày 11/10/2008 trong đơn chỉ thể hiện việc kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 68, tờ bản đồ số 2, diện tích 807m$^2$; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (bút lục 205) và được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 589801 ngày 14/01/2010. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/01/2017 đã xác định được toàn bộ khu mộ tổ của gia đình bà Trăng Thị A không nằm trong thửa đất số 68 của gia đình bà Nguyễn Thị V mà nằm trong thửa đất số 69. Do vậy việc ông Liễu Văn C tự ý đập phá tường bao quanh khu mộ của bà Trăng Thị A là trái với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Trăng Thị A.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử buộc ông Liễu Văn C phải bồi thường toàn bộ thiệt hại là có căn cứ đúng quy định của pháp luật cần được chấp nhận. Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Liễu Văn C.

[5] Về án phí: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Liễu Văn C thấy rằng theo quy định tại Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các xã có điều kiện đặc biệt khó khăn thì xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nơi ông Liễu Văn C cư trú là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên ông Liễu Văn C thuộc diện được miễn toàn bộ án phí. Tuy nhiên tại Tòa án cấp sơ thẩm ông Liễu Văn C chưa có đơn yêu cầu xin miễn giảm án phí nên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông Liễu Văn C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ. Nhưng sau khi xét xử sơ thẩm ngày 02/8/2017 ông Liễu Văn C làm đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm và làm đơn xin miễn án phí. Xét thấy yêu cầu xin được miễn giảm án phí của ông Liễu Văn C là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực pháp lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị, cụ thể: Phần đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút; các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Liễu Văn C. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí, các phần khác giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, cụ thể:

Căn cứ vào Điều 357, 584, 585, 607 của Bộ luật Dân sự; Điều 5, 26, 38, 48, 144, 146, 147, 148, 156, 157, 158, 163, 164, 165, 166, 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trăng Thị A. Buộc ông Liễu Văn C phải bồi thường cho gia đình bà Trăng Thị A số tiền là: 8.526.000,đ (Tám triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải chịu lãi xuất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Bà Trăng Thị A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại bà Trăng Thị A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2011/02336 ngày 11/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

- Ông Liễu Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Tòa DS; HCTP; KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Đức Châm**